

DẤU ẤN VĂN HÓA TRONG ĐỊA DANH LUÂN ĐÔN

Lê Thị Minh Thảo¹

Email: thaoltm@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0001-2475-9367

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 09/10/2025.

Ngày phản biện đánh giá: 06/04/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 22/04/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1236

Tóm tắt: Bài viết khảo sát và đối chiếu dấu ấn văn hóa được lưu giữ trong hai hệ thống địa danh của Luân Đôn: địa danh hành chính (gồm 33 đơn vị cấp quận và 704 đơn vị bầu cử cơ sở) và hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên (Sites of Importance for Nature Conservation, viết tắt SINC). Vận dụng khung phức thể địa danh với hai thành phần là thành tố chung và thành tố riêng, bài viết phân tích cấu tạo và nguồn gốc từ nguyên của các tên gọi nhằm làm rõ ý nghĩa văn hóa được lưu giữ trong địa danh mỗi hệ thống. Kết quả cho thấy hai hệ thống địa danh tuy khai thác cùng nguồn từ vựng nhưng phản ánh các giai đoạn lịch sử - văn hóa khác nhau: hệ thống địa danh hành chính bảo lưu chủ yếu nhân danh thời kỳ Anglo-Saxon, trong khi hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên phản ánh nhân danh thời kỳ Victoria và các thiết chế sử dụng đất hiện đại; riêng thủy danh Celtic là lớp văn hóa cổ nhất còn nhận diện được.

Từ khóa: địa danh học, dấu ấn văn hóa, phức thể địa danh, thành tố chung, khu bảo tồn thiên nhiên

I. Đặt vấn đề

Địa danh Luân Đôn là nơi gặp gỡ của nhiều lớp ngôn ngữ khác nhau, từ Celtic, tiếng Anh cổ, tiếng Pháp Norman cho đến tiếng Anh hiện đại; mỗi lớp ngôn ngữ ấy là dấu vết của một cộng đồng chủ thể đã từng sinh sống trên vùng đất này. Trong hệ thống từ vựng, địa danh vốn là một loại tín hiệu ngôn ngữ đặc biệt: với chức năng căn bản là định danh và cá thể hóa đối tượng, nên một khi đã được cộng đồng sử dụng và tái sử dụng lâu dài, địa danh có sức sống bền bỉ, nhiều khi vẫn tồn tại ngay cả khi đối tượng được gọi tên đã biến mất hoặc đã phai mờ ý nghĩa ban đầu.

Chính nhờ đặc điểm ấy mà địa danh trở thành một chứng cứ để truy nguyên lịch sử và văn hóa của vùng đất.

Trong vốn địa danh phong phú của Luân Đôn, bài viết đã lựa chọn hai hệ thống mang tính chính thức làm đối tượng khảo sát, bởi đây là hai hệ thống có thể đặt trong thế đối chiếu với nhau. Thứ nhất là địa danh hành chính, tức tên các đơn vị quản lý dân cư, gồm 33 đơn vị cấp quận và 704 đơn vị bầu cử cơ sở (ward). Thứ hai là tên các khu bảo tồn thiên nhiên, tức tên những khu vực quan trọng về bảo tồn thiên nhiên (SINC); tuy nhiên chúng tôi lựa chọn những địa danh gắn với các khu

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

bảo tồn được quy hoạch, mà không phải toàn bộ tên gọi tự nhiên ở Luân Đôn. Hai hệ thống này khác nhau ngay ở chức năng định danh: một bên gọi tên đơn vị quản lý con người, một bên gọi tên cảnh quan và đất đai.

Để khái niệm dấu ấn văn hóa không bị dàn trải, chúng tôi tập trung vào bốn bình diện gồm: bình diện xã hội - sở hữu (nhân danh, gia tộc, điền chủ); bình diện thiết chế sử dụng đất (đất chung, khu đất công viên, rừng săn); bình diện tri nhận cảnh quan - sinh thái (đất hoang, đầm, đò, cây cối); và bình diện tôn giáo - tưởng niệm (tu viện, nghĩa trang, hoàng gia, danh nhân).

Trong dòng nghiên cứu địa danh học Anh, các công trình kinh điển của Ekwall (1960), Smith (1956), Field (1980), Mills (2003) và Gelling và Cole (2000) đã xác lập khung phân tích từ nguyên và khảo sát toàn diện vốn địa danh Anh ở các cấp khác nhau, trong đó Field (1980) tập trung riêng cho khu vực Luân Đôn. Tuy nhiên, các công trình ấy chủ yếu xử lý từng hệ thống địa danh một cách độc lập, ít khi đối chiếu giữa hai hệ thống cùng tồn tại trong một đô thị để soi rọi các lớp văn hóa khác nhau mà chúng cùng lưu giữ. Ở Việt Nam, các nghiên cứu địa danh học của Lê Trung Hoa, Hoàng Văn Hành và một số tác giả khác đã vận dụng khung phức thể địa danh cho ngữ liệu tiếng Việt, song việc vận dụng khung này cho ngữ liệu tiếng Anh, đặc biệt là đối chiếu hai hệ thống địa danh trong cùng một đô thị, vẫn là khoảng trống mà bài viết hướng đến.

Từ khoảng trống trên, bài viết đặt ra ba câu hỏi nghiên cứu: (1) Thành tố chung và thành tố riêng trong mỗi hệ thống địa danh phản ánh những đặc điểm gì về loại hình đối tượng và nội dung văn hóa? (2) Hai hệ thống địa danh lưu giữ những lớp văn hóa nào, và những lớp văn hóa ấy

tương ứng với những giai đoạn lịch sử nào của Luân Đôn? (3) Sự khác biệt giữa hai hệ thống về cách lựa chọn thành tố cấu tạo có hàm ý gì đối với việc nghiên cứu địa danh học tiếng Anh nói chung?

II. Cơ sở lý luận và tư liệu

2.1. Phức thể địa danh và hai thành tố

Theo cách hiểu phổ biến trong địa danh học, địa danh (toponym) là tên riêng dùng để gọi một thực thể địa lí, gồm cả thực thể tự nhiên (sông, núi, đầm, đò) và thực thể nhân tạo hoặc đơn vị quản lý (làng, quận, công viên, khu bảo tồn). Căn cứ vào loại đối tượng được định danh, các nhà nghiên cứu thường phân địa danh thành ba nhóm chính: địa danh tự nhiên (gồm thủy danh, sơn danh và các tên gọi cảnh quan); địa danh hành chính (tên các đơn vị quản lý dân cư) và địa danh nhân văn (tên các công trình, di tích, khu vực có tổ chức của con người). Hai hệ thống được khảo sát trong bài thuộc hai nhóm cuối: hệ thống địa danh hành chính của Luân Đôn thuộc nhóm địa danh hành chính, còn hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên (SINCs), tuy gắn với cảnh quan tự nhiên, lại được quy hoạch theo một khung pháp lí, nên về thực chất thuộc nhóm địa danh nhân văn.

Trong địa danh học, người ta thường nhìn nhận mỗi địa danh điển hình như một phức thể địa danh (toponymic complex) gồm hai bộ phận. Thành tố chung (generic element) là yếu tố chỉ loại hình của đối tượng được định danh, chẳng hạn một khu rừng, một bãi đầm hay một ngọn đò; nó tương ứng với yếu tố “ngã ba”, “sông”, “chợ” trong các địa danh quen thuộc trong tiếng Việt. Thành tố riêng (specific element) là yếu tố cá thể hóa đối tượng, phân biệt đối tượng này với những đối tượng khác cùng loại hình, thông qua một

đặc điểm, một vị trí, một tên người hay một loài cây (Mills, 2003). Bởi dấu ấn văn hóa có thể nằm ở cả hai bộ phận, chúng tôi tiến hành phân tích theo hai tầng: tầng thứ nhất căn cứ vào thành tố chung để xác định loại hình đối tượng, tầng thứ hai căn cứ vào thành tố riêng để xác định đặc điểm văn hóa mà cư dân chủ thể đã gửi vào tên gọi.

Cách phân tích hai tầng này là cần thiết, bởi trong nhiều trường hợp một tên gọi mang dấu ấn ở cả hai bộ phận. Lấy *Richmond Park* làm ví dụ: thành tố chung *park* cho biết đây là một khu đất công viên, còn thành tố riêng *Richmond* lại là một địa danh được chuyển dụng, mang sắc thái uy tín. Nếu chỉ gán cho địa danh một nhãn duy nhất, ta buộc phải bỏ mất một trong hai lớp nghĩa. Trong bài, để cho nhất quán, trường nhân danh được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả sở hữu được cá thể hóa như chức danh hoàng gia (*cyning*, nghĩa là “vua”); và trường tưởng niệm cũng được hiểu rộng, bao gồm cả những địa danh chuyển dụng mang uy tín lịch sử như *Richmond*.

2.2. Các lớp ngôn ngữ trong địa danh Luân Đôn

Cũng như khi nghiên cứu địa danh ở Việt Nam ta phải phân biệt nguồn gốc từ thuần Việt hay Hán - Việt, khi khảo sát địa danh Luân Đôn, tác giả cũng phân biệt các lớp ngôn ngữ kế tiếp nhau, mỗi lớp ứng với một giai đoạn lịch sử. Lớp cổ nhất là lớp Celtic Brittonic, có trước thời La Mã, hiện chủ yếu còn lưu lại trong thủy danh của các con sông như *Thames*, *Lea* và *Brent* (Rivet & Smith, 1979). Lớp tiếng Anh cổ, từ thế kỉ V đến thế kỉ XI, là lớp dày nhất, định danh các điểm định cư nông nghiệp của người Anglo-Saxon qua các thành tố chung như *-tūn*, *-hām* và *-lēah*. Lớp tiếng Pháp Norman, du nhập

sau cuộc chinh phạt năm 1066, mang theo từ vựng quản lí đất đai phong kiến, tiêu biểu là *park* và *forest*; ở đây *forest* thời Norman vốn là một khái niệm pháp lí, chỉ vùng đất dành riêng cho việc săn bắn của nhà vua, có thể bao gồm cả đất không có cây rừng, chứ không thuần túy chỉ loại hình thực vật (Rackham, 1986). Sau cùng là lớp tiếng Anh hiện đại, đánh dấu lối đặt tên mang tính bảo tồn và tưởng niệm của thế kỉ XIX - XX.

2.3. Tư liệu và phạm vi khảo sát

Về tư liệu, hệ thống địa danh hành chính được lấy từ Sổ đăng kí mã địa lí của Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh (ONS) và số liệu công bố của Ủy ban Ranh giới chính quyền địa phương (LGBCE); việc truy nguyên từ nguyên dựa vào các công trình tham chiếu của Ekwall (1960), Field (1980), Mills (2003), Smith (1956) và Gelling và Cole (2000), còn bối cảnh lịch sử sử dụng đất tham khảo Rackham (1986).

Về phạm vi phân tích ngữ liệu, hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên trên thực tế gồm 1.477 đơn vị; tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chưa khảo sát trọn vẹn cả 1.477 tên, mà mới phân tích đầy đủ về cấu tạo và từ nguyên đối với 249 tên trải trên các phân tầng và các nhóm loại hình. Trong số đó, 118 tên thuộc phân tầng đô thị (Sites of Metropolitan Importance) được phân tích kĩ nhất. Vì vậy, mọi con số mà bài viết nêu ra về hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên đều được tính trên mẫu 249 tên này; chúng tôi không suy rộng các tỉ lệ ấy ra toàn bộ 1.477 tên thuộc khu vực bảo tồn thiên nhiên. Do đó, bài viết không đặt trọng tâm vào việc thống kê đầy đủ số lượng, mà nhấn mạnh vào việc xác lập quy luật cấu tạo của phức thể địa danh rồi vận dụng vào các trường hợp cụ thể, theo

đúng tinh thần của lối nghiên cứu truy nguyên từ nguyên: sức thuyết phục đến từ quy luật, không phải từ con số tuyệt đối.

III. Kết quả phân tích ngữ liệu

3.1. Thành tố chung: hai cách tổ chức không gian

Xét về thành tố chung, tức yếu tố cho biết loại hình của đối tượng, sự tương phản giữa hai hệ thống bộc lộ rõ rệt nhất. Trong hệ thống địa danh hành chính, phần lớn trong số 33 địa danh cấp quận dùng

thành tố chung chỉ loại hình định cư và địa mạo gắn với định cư; riêng hai nhóm này đã chiếm 25 trên 33 đơn vị. Chỉ duy nhất Waltham Forest thì thành tố chung chỉ loại hình địa điểm (forest), và chỉ Westminster cùng Harrow mang thành tố chung chỉ ý nghĩa tôn giáo. Như vậy, trong ngữ liệu địa danh cấp quận, loại hình địa điểm chiếm tỉ lệ thấp, chỉ 1 trên 33. Ở hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên, kết quả lại cho thấy điều ngược lại.

Bảng 1. Thành tố chung của tên khu bảo tồn

Nhóm thành tố chung (loại hình)	Số lượng	Ví dụ
Rừng, lùm cây (wood, forest, copse, grove)	36	Oxleas Wood, Epping Forest
Khu đất khoanh rào (park)	33	Richmond Park, Bushy Park
Đồi, gò, bờ cao (hill, rise, mount, bank)	26	Horsenden Hill, Sydenham Hill Wood
Đất hoang (heath, moor)	21	Hampstead Heath, Hounslow Heath
Đầm, bãi lầy (marsh, fen, bog)	20	Hackney Marshes, Walthamstow Marshes
Đồng cỏ, ruộng (meadow, field, green)	20	Wimbledon Common, Peckham Rye Common
Sông, suối (river, brook, stream)	20	River Lea, River Wandle
Hồ, ao, hồ chứa (lake, pond, reservoir)	15	King George V Reservoir, Welsh Harp
Nghĩa trang (cemetery, churchyard)	17	Nunhead Cemetery, Abney Park Cemetery
Bảo tồn hiện đại (nature reserve, open space)	16	Crossness Nature Reserve, Muswell Hill Open Space
Đất bụi, đất tạp (scrubs, rough ground)	10	Wormwood Scrubs
Tên đơn, tên chuyên dụng	15	Mudchute, Spitalfields City Farm
Tổng	249	

Trước khi đi vào phân tích kết quả, bài viết làm rõ tiêu chí xác định nhóm thứ mười hai trong Bảng 1: nhóm “tên đơn, tên chuyên dụng”. Nhóm này gồm các tên gọi không thể phân tách thành cấu trúc hai thành tố theo cách thông thường, có thể tách thành ba kiểu nhỏ. Thứ nhất là các tên đơn tiết hoặc đa tiết không có thành tố chung biểu hiện loại hình, thường là dạng rút gọn theo lịch sử như *Mudchute*. Thứ hai là các tên ghép gốc đô thị được chuyển dụng làm tên khu bảo tồn, ví dụ *Spitalfields City Farm*, trong đó *Spitalfields* vốn là tên một khu vực lịch sử của Luân Đôn. Thứ ba là các tên không có thành tố chung tiếng Anh chuẩn vì gốc Celtic hoặc tiền

Anglo-Saxon (chẳng hạn các thủy danh khi đứng độc lập). Việc tách nhóm này thành nhóm riêng giúp bảo đảm tính nhất quán của khung phân loại, vì các tên trong nhóm không thể được xếp vào mười một nhóm còn lại nếu vẫn giữ tiêu chí phân tách theo cặp thành tố chung và thành tố riêng.

Kết quả Bảng 1 cho thấy: trong tên gọi khu bảo tồn thiên nhiên, các thành tố chung chỉ loại hình địa điểm, mà tiêu biểu là *park* và *common*, xuất hiện với tần số cao, trong khi ở địa danh cấp quận gần như không xuất hiện. Điều này có lí do từ chính chức năng định danh: tên đơn vị hành chính dùng để gọi một cộng đồng dân cư nên kế thừa lớp tên định cư cổ, còn tên

khu bảo tồn dùng để gọi chính mảnh đất nên lưu lại cách mảnh đất ấy từng được sử dụng. *Common* (gốc tiếng Anh trung đại *commun*) chỉ phần đất mà cả cộng đồng có quyền dùng chung như chăn thả, lấy củ; *park* (gốc tiếng Pháp Norman *parc*) ban đầu chỉ khu đất khoanh rào để săn bắn của tầng lớp quý tộc sau năm 1066. Như vậy, chỉ riêng việc thống kê thành tố chung đã cho thấy hai hệ thống tên gọi lưu giữ hai cách tổ chức không gian khác nhau của lịch sử.

3.2. Thành tố riêng: nhân danh thuộc hai thời kì

Ở thành tố riêng, tức bình diện phản ánh nội dung văn hóa của tên gọi, yếu tố nhân danh là nổi bật trong thành phần này. Nhân danh, với tư cách một phương thức định danh lấy tên người làm thành tố

khu biệt, hiện diện nổi bật ở cả hai hệ thống, song lại thuộc về hai giai đoạn niên đại khác biệt. Trong hệ thống địa danh hành chính cấp quận, nhân danh là trường ngữ nghĩa chiếm ưu thế, với 14 trên 33 đơn vị, và phần lớn có nguồn gốc từ tiếng Anh cổ hiện đã thất truyền: Islington vốn mang nghĩa “trang trại của nhóm Gisla”, Lewisham là “làng của Leofsa”. Do những nhân vật này không lưu lại bất kỳ dấu vết nào ngoài bản thân tên đất, địa danh ở đây đảm nhận vai trò một cứ liệu bảo lưu nhân danh ở cấp địa phương; hiện tượng này hoàn toàn tương đồng với các tên riêng thuần Việt đã mờ nghĩa mà giới nghiên cứu địa danh Việt Nam thường ghi nhận. Tuy nhiên khi mở rộng khảo sát ở cấp đơn vị cơ sở, tỉ lệ tên chứa nhân danh giảm đi. Số liệu cụ thể được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2. Tỉ lệ tên chứa nhân danh trong hệ thống địa danh hành chính

Cấp	Tổng số	Số tên chứa nhân danh	Tỉ lệ
Cấp quận	33	14	42,4%
Đơn vị cơ sở (ward)	704	88	12,5%

Như vậy, trong hệ thống địa danh hành chính, nhân danh phân bố không đồng đều theo cả cấp bậc lẫn niên đại: số lượng nhiều nhất ở nhóm địa danh cấp quận, rồi giảm dần ở nhóm địa danh cấp cơ sở vốn hình thành muộn hơn. Ở hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên, trong phạm vi mẫu khảo sát, nhân danh chiếm tỉ trọng thấp hơn và thuộc một giai đoạn niên đại muộn hơn, có thể phân thành ba tiểu loại: nhân danh gia tộc và điền chủ (Boston Manor Park, Clissold Park), nhân danh chủ đất địa phương (Hutchinson’s Bank), và nhân danh gắn với cơ sở công nghiệp (Beckton, định danh theo Samuel Beck của một công ti khí đốt). Tuy cùng là dấu ấn cá nhân trong tên địa danh, hai hệ thống lại phản ánh hai loại quan hệ xã hội khác nhau: hệ thống địa danh

hành chính lưu giữ quan hệ ruộng đất thời kỳ Anglo-Saxon. Nhận định này được hỗ trợ bằng các phân tích từ nguyên cụ thể: các cấu trúc “tên người + -tūn” (Islington, Paddington, Kensington) và “tên người + -hām” (Lewisham, Fulham) đều phản ánh quan hệ sở hữu đất ở mức trang trại (Mills, 2003, tr. 12; Smith, 1956, vol. 2, tr. 188-189), cho thấy thiết chế phân chia đất đai theo cá nhân hoặc nhóm cư dân đã định hình rõ vào thời kỳ Anglo-Saxon trước cuộc chinh phạt Norman (Gelling & Cole, 2000), còn hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên lưu giữ quan hệ điền sản và công nghiệp thời kỳ Victoria. Theo chúng tôi, đây là một chỉ báo văn hóa quan trọng: nó chỉ hiện ra khi ta phân biệt nhân danh theo niên đại, chứ không lộ ra nếu chỉ gán chung một nhãn “nhân danh”.

3.3. Dấu ấn tôn giáo, ý nghĩa tưởng niệm

Ở bình diện tôn giáo và tưởng niệm, hai hệ thống tên gọi cũng cho thấy những sắc thái riêng. Trong hệ thống địa danh hành chính, dấu ấn tôn giáo cổ còn lại ở *Harrow* (gốc *hearg*, chỉ một nơi thờ cúng tiền Kitô giáo) và *Westminster* (tu viện ở phía tây); hay *Camden* lấy theo tên một nhân vật thế kỉ XVIII. Trong hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên, nhóm tên xét ở bình diện này phong phú hơn và phần lớn thuộc thời hiện đại: dấu ấn hoàng gia (*Regent's Park, Victoria Park*), tưởng niệm danh nhân (*Gladstone Park*), lưu niệm di sản công nghiệp (*Crystal Palace Park*, gắn với công trình *Crystal Palace* dựng cho Đại Triển lãm năm 1851 rồi sau dời về Sydenham). Sự phong phú của nhóm tên tưởng niệm hiện đại cho thấy hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên vẫn còn đang được bổ sung, khác với hệ thống địa danh hành chính cấp quận vốn đã tương đối ổn định từ sau cuộc cải tổ hành chính năm 1965.

IV. Giá trị văn hóa thể hiện ở hệ thống địa danh hành chính và hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên

Những phân tích ở phần III cho thấy mỗi nhóm tên gọi tương ứng với một thiết chế hoặc một cách tổ chức không gian của lịch sử. Dấu ấn nhân danh ở hệ thống địa danh hành chính ghi lại một trật tự xã hội trong đó đất đai và điểm định cư được cá thể hóa bằng tên một cá nhân hoặc một nhóm người gắn với cá nhân ấy. Dấu ấn đất chung ghi lại quyền sử dụng tập thể trước thời kì rào đất, mà thành tố “common” là dấu vết ngôn ngữ trực tiếp (Rackham, 1986). Dấu ấn khu đất công viên ghi lại văn hóa săn bắn của quý tộc Norman, về sau qua thế kỉ XIX dần chuyển hóa thành văn hóa công viên công cộng. Còn thủy danh

Celtic là dấu vết văn hóa cổ nhất còn nhận diện được trong vốn địa danh Luân Đôn.

Như vậy, khi nhìn nhận lịch sử văn hóa trong sự tham chiếu với lịch sử ngôn ngữ, chúng ta thấy hai hệ thống địa danh của Luân Đôn hợp lại tạo thành một bức tranh nhiều tầng về vùng đất này, trải dài từ lớp cư dân Celtic bản địa, qua chế độ định cư và sở hữu thời kỳ Anglo-Saxon, thời trung đại và chế độ săn bắn quý tộc thời Norman, cho tới tập quán tưởng niệm và ý thức bảo tồn thiên nhiên của thời hiện đại. Cũng như các nhà nghiên cứu địa danh vẫn khẳng định rằng một tên gọi tưởng chừng giản đơn lại có thể chứa đựng cả một chiều dày lịch sử, trường hợp hai hệ thống địa danh Luân Đôn cho thấy cấu tạo và từ nguyên của tên gọi là nơi lưu giữ dấu ấn văn hóa của một vùng đất.

V. Kết luận

Qua việc đối chiếu hai hệ thống địa danh của Luân Đôn, bài viết đã chỉ ra rằng sự khác biệt về chức năng định danh giữa hai hệ thống đã dẫn đến sự khác biệt có tính quy luật trong cách lựa chọn thành tố cấu tạo: hệ thống địa danh hành chính, do gắn với cộng đồng cư dân, kế thừa và bảo lưu lớp tên định cư cổ; còn hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên, do gắn với chính mảnh đất, ghi lại các thiết chế sử dụng đất qua thời gian. Hệ quả là mỗi hệ thống lưu giữ một lớp văn hóa khác nhau, và hai hệ thống hợp lại phác nên một bức tranh nhiều tầng về Luân Đôn, trải dài từ lớp cư dân Celtic bản địa, qua chế độ định cư và sở hữu thời kỳ Anglo-Saxon, chế độ đất chung thời trung đại và chế độ săn bắn quý tộc thời Norman, cho tới tập quán tưởng niệm và ý thức bảo tồn thiên nhiên của thời hiện đại.

Đối với nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh, bài viết đề xuất một vài hàm ý cụ thể. Thứ nhất, đối với nghiên cứu địa

dan học tiếng Anh, khung phức thể địa danh với phân tích hai tầng có thể áp dụng cho các đô thị Anh khác như Manchester, Birmingham, hay cho các nhóm địa danh cùng loại trên khắp Vương quốc Anh, qua đó góp phần xây dựng một bức tranh tổng thể về dấu ấn văn hóa trong địa danh tiếng Anh. Thứ hai, đối với giảng dạy các học phần văn hóa Anh và lịch sử tiếng Anh ở bậc đại học, các nhóm địa danh tiêu biểu trong bài có thể được dùng làm ngữ liệu minh họa cho các lớp ngôn ngữ kế tiếp nhau (Celtic, Anglo-Saxon, Norman, Anh hiện đại), giúp người học gắn các khái niệm trừu tượng về lịch sử ngôn ngữ với những địa danh mà họ đã quen thuộc. Thứ ba, đối với giảng dạy dịch thuật và ngôn ngữ học đối chiếu, hướng phân tích thành tố chung và thành tố riêng cho phép so sánh chiến lược định danh giữa tiếng Anh và tiếng Việt, qua đó hỗ trợ người học nhận diện những đặc trưng văn hóa - ngôn ngữ riêng của mỗi cộng đồng.

Các số liệu về hệ thống tên gọi khu vực bảo tồn thiên nhiên được tính trên một mẫu phân tầng gồm 249 tên, trong đó 118 tên hạng đô thị được phân tích kỹ nhất, nên chưa phải là kết quả kiểm đếm trọn vẹn cả 1.477 đơn vị; vì vậy chúng tôi không suy rộng các tỉ lệ ấy ra toàn bộ ngữ liệu. Khi có điều kiện tiếp cận đầy đủ danh mục 1.477 địa danh từ nguồn dữ liệu gốc, hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ là thống kê trọn vẹn cả hai tầng cấu tạo và mở rộng sang lớp địa danh đường phố, nhằm kiểm chứng những quy luật và nhận định mà bài viết này mới nêu ra trên cơ sở một mẫu khảo sát.

Tài liệu tham khảo

- Ekwall, E. (1960). *The concise Oxford dictionary of English place-names* (4th ed.). Clarendon Press.
- Field, J. (1980). *Place-names of Greater London*. Batsford.
- Gelling, M., & Cole, A. (2000). *The landscape of place-names*. Shaun Tyas.
- Greater London Authority. (2021). *The London Plan 2021: Policy G6 — Biodiversity and access to nature*. <https://www.london.gov.uk/programmes-strategies/planning/london-plan>.
- Greenspace Information for Greater London. (2023). *GiGL SINCS open data: Sites of Importance for Nature Conservation [GIS]*. London Datastore. <https://data.london.gov.uk/dataset/gigl-sincs-open-data>.
- Local Government Boundary Commission for England. (2022). *London borough electoral reviews: Ward arrangements effective 5 May 2022*. <https://www.lgbce.org.uk/all-reviews/london>.
- Mills, A. D. (2003). *A dictionary of British place-names*. Oxford University Press.
- Office for National Statistics. (2022). *Register of geographic codes (May 2022): Local authority districts (E09) and electoral wards (E05)*. ONS Open Geography Portal. <https://geoportal.statistics.gov.uk>.
- Rackham, O. (1986). *The history of the countryside*. J. M. Dent.
- Rivet, A. L. F., & Smith, C. (1979). *The place-names of Roman Britain*. Princeton University Press.
- Smith, A. H. (1956). *English place-name elements* (Vols. 1-2). English Place-Name Society.

CULTURAL IMPRINTS IN THE PLACE-NAMES OF LONDON

Le Thi Minh Thao¹

Abstract: *The article surveys and compares the cultural imprints preserved in two systems of London place names: administrative toponyms, comprising 33 borough-level units and 704 electoral wards, and the naming system of Sites of Importance for Nature Conservation (SINCs). Drawing on the toponymic complex framework, which consists of two components, the generic element and the specific element, the article analyzes the structure and etymological origins of these names in order to clarify the cultural meanings preserved in the place names of each system. The findings show that although the two toponymic systems draw on the same lexical resources, they reflect different historical and cultural layers: the administrative toponymic system mainly preserves personal names from the Anglo-Saxon period, whereas the naming system of nature conservation sites reflects personal names from the Victorian period and modern land-use institutions.*

Keywords: *toponymy, cultural imprint, toponymic complex, generic element, nature conservation area*

¹ Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam